

Bản án số: 450/2018/DS-ST
Ngày: 31-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Kim Triều
2. Ông Nguyễn Tiến Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2046/2016/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3595/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4010/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty A ; Địa chỉ trụ sở: Lầu 1 Tòa nhà B, Số 72-74 đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Văn H, Chức vụ: Nhân viên Quản lý công nợ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 120/2018/UQLM-JIVF ngày 20 tháng 4 năm 2018).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1969; Hộ khẩu thường trú và cư trú tại U, chung cư 47-57 Y, phường Z, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Công ty A có ông Mai Văn H là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 03 tháng 6 năm 2016, ông Lê Văn T ký Hợp đồng số 90003-000-000-5500-000 với Công ty A (sau đây gọi tắt là Công ty) để vay 25.000.000

đồng theo hình thức tín chấp trả góp hàng tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất 3,32%/tháng, thời hạn 24 tháng, số tiền thanh toán hàng tháng bao gồm nợ gốc và lãi là 1.527.533 đồng vào ngày cuối tháng, ngày thanh toán đầu tiên là 30 tháng 6 năm 2016.

Thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận được khoản vay 25.000.000 đồng. Từ ngày 30 tháng 6 năm 2016 đến ngày 05 tháng 7 năm 2016 ông T đã thanh toán cho Công ty 1.527.533 đồng, bao gồm 780.533 đồng nợ gốc và 747.000 đồng nợ lãi. Từ ngày 05 tháng 7 năm 2016, ông T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán mặc dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Ngày 31 tháng 7 năm 2017, Công ty đã chốt nợ gốc và lãi của Hợp đồng số 90003-000-000-5500-000, ông T còn nợ Công ty 24.219.467 đồng nợ gốc và 13.950.412 đồng nợ lãi tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2017.

Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán 38.169.879 đồng, bao gồm 24.219.467 đồng nợ gốc và 13.950.412 đồng nợ lãi tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2017; Tiền lãi quá hạn tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng vay.

Bị đơn là ông Lê Văn T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn là Công ty A khởi kiện bị đơn là ông Lê Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là ông Lê Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại U, chung cư 47-57 Y, phường Z, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1.

[2] Bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hoà giải được.

[3] Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự,

[4] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[5] Giao dịch của các đương sự được thực hiện vào năm 2016, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết tranh chấp giữa các đương sự.

Về nội dung khởi kiện:

[6] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán 38.169.879 đồng, bao gồm 24.219.467 đồng nợ gốc và 13.950.412 đồng nợ lãi tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2017; Tiền lãi quá hạn tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng vay, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Công ty A là tổ chức tín dụng phi ngân hàng được thành lập, tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty tài chính. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 108 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty được phép hoạt động tín dụng như cấp tín dụng tiêu dùng dưới hình thức cho vay bằng tiền. Do đó việc Công ty cho ông T vay tiền với mục đích tiêu dùng là có cơ sở pháp lý. Xét hợp đồng vay số 90003-000-000-5500-000 ngày 03 tháng 6 năm 2016 ký kết giữa ông Lê Văn T và Công ty tuân thủ đầy đủ nội dung và hình thức theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

[8] Xét về lãi suất cho vay, căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”* và Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) quy định: *“1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong*

hợp đồng tín dụng”. Do đó, mức lãi suất nguyên đơn áp dụng để tính lãi quá hạn cho bị đơn là không trái với quy định của pháp luật và việc nguyên đơn tự nguyện yêu cầu tính tiền lãi đến ngày 31 tháng 7 năm 2017 được chấp nhận.

[9] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 38.169.879 đồng, bao gồm 24.219.467 đồng nợ gốc và 13.950.412 đồng nợ lãi tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2017, tiền lãi quá hạn tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng vay là có cơ sở pháp lý quy định tại các điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005, các điều 91, 95 và 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Vụ án đã được Tòa án thụ lý để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 nhưng sau ngày 01 tháng 01 năm 2017 Tòa án mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm nên căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.908.494 đồng do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự 2005; các điều 91, 95 và 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A

Buộc ông Lê Văn T phải thanh toán cho Công ty A 38.169.879 (Ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi chín) đồng, bao gồm 24.219.467 (Hai mươi bốn triệu hai trăm mười chín nghìn bốn trăm sáu mươi bảy) đồng nợ gốc và 13.950.412 (Mười ba triệu chín trăm năm mươi nghìn bốn trăm mười hai) đồng nợ lãi của Hợp đồng vay số 90003-000-000-5500-000 ngày 03 tháng 6 năm 2016.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn T còn phải chịu tiền lãi nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.908.494 đồng (Một triệu chín trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi bốn) đồng;

Công ty A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty A 727.326 (Bảy trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi sáu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2014/0004744 ngày 23

tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty A và ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Bình